TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HS-ST
Ngày: 08-01-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tùng;

2. Ông Phạm Quốc Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 68/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Văn M, sinh năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn D, sinh năm 1931 (đã chết) và bà Võ Thị C, sinh năm 1929 (đã chết); Vợ: bà Đoàn Thị T, sinh năm 1970 (đã ly hôn); Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 01/6/2024, chuyển tạm giam từ ngày 10/6/2024 cho đến nay.

** Bị hại:*

Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước đây, bị cáo Lê Văn M và bị hại bà Đoàn Thị T là vợ chồng và có hai con chung, sau đó cả hai ly hôn vào khoảng năm 2014. Đến năm 2021, bị cáo M và bị hại bà T quay lại sống chung như vợ chồng, đến năm 2023 do mâu thuẫn nên cả hai không còn sống cùng nhau nữa. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 01/6/2024, sau khi đã có uống rượu, bị cáo M đến nhà bị hại bà T (bị hại sống cùng con trai tên Lê Hoàng L) ở ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre để trả lại cái gào xúc bùn cho bị hại mà bị cáo đã mượn trước đó. Bị cáo M đứng ngoài hàng rào kêu bị hại bà T mở cửa, bị hại không mở nên bị cáo đưa gào xúc bùn cho cháu nội mang vào nhà. Bị cáo M tiếp tục kêu bị hại bà T mở cửa để vào nói chuyện nhưng bị hại không đồng ý và bỏ đi vào nhà. Bị cáo M đi cặp theo hàng rào bên hông nhà, vòng xuống vườn dừa để đi lên phía sau nhà bị hại bà T. Lúc này bị cáo M thấy vườn dừa mà bị cáo thu hoạch hàng tháng đã được thu hoạch xong. Bị cáo M tức giận đi đến cửa nhà sau, vừa chửi thề vừa nói: "Còn một cây dừa sao không thọc ăn luôn đi", đồng thời bị cáo dùng tay phải xô mạnh cánh cửa nhà sau bước vào bên trong nhà. Bị hại bà T nói: "Tôi thọc dừa cho thằng B ăn". Lúc này bị cáo M nhìn thấy con dao mà bị hại bà T vừa mang đặt ở gần cánh cửa sau, bị cáo liền cầm con dao đó lao thẳng về phía bị hại bà T, bị hại nhảy lên giường gỗ cạnh đó để tránh né, bị cáo lao người tới chém về phía bị hại khoảng 02-03 cái thì trúng 01 cái vào tay của bị hại làm bị hại té ngã xuống giường. Lúc này, bị cáo M đứng chân phải dưới đất, chân trái đứng trên giường, tay phải cầm dao chém theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào vùng cổ của bị hại bà T 03 cái gây thương tích. Bị hại bà T dùng tay chụp lấy lưỡi dao để ngăn cản bị cáo M lại, cháu nội đứng gần đó kêu khóc nên bị cáo dừng lại. Bị hại bà T vùng dậy bỏ chạy ra khỏi nhà, bị cáo M cầm dao đuổi theo một đoạn rồi quay trở lại bỏ lại con dao lên bàn xếp đang đặt trên giường, sau đó đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre để tự thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

- Vật chứng tạm giữ:

+ 01 (một) con dao dài 43cm, cán hình trụ tròn bằng gỗ dài 16cm , lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, trên lưỡi dao có nhiều sợi tóc và vết máu đã khô.

+ 01 (một) đôi dép bằng nhựa màu đen.

+ 01 (một) áo sơ mi nam tay ngắn, bằng vải màu trắng.

+ 01 (một) quần kaki nam, loại quần dài, màu xám, nhãn hiệu Design.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ các vật chứng trên để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 255/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 20/8/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh Bến Tre kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại bà T là 24% (hai mươi bốn phần trăm).

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của bị hại bà T là:

+ Sẹo cổ trên tuyến giáp, kích thước trung bình: 04% (bốn phần trăm), Căn cứ Chương 8, Mục I.2 và phần Nguyên tắc.

+ 02 sẹo sau gáy, kích thước trung bình: mỗi sẹo 04% (bốn phần trăm), Căn cứ Chương 8, Mục I.2 và phần Nguyên tắc.

+ Sẹo kẽ bàn ngón 1,2 tay trái, kích thước trung bình: 02% (hai phần trăm), Căn cứ Chương 8, Mục I.2.

+ Sẹo kẽ bàn ngón 2,3,4 tay trái, kích thước trung bình: 02% (hai phần trăm), cCăn cứ Chương 8, Mục I.2.

+ Sẹo kẽ bàn ngón 2,3,4 tay trái, kích thước nhỏ: 01% (một phần trăm), Căn cứ Chương 8, Mục I.1.

+ Sẹo kẽ bàn ngón 1,2 tay phải, kích thước trung bình: 02% (hai phần trăm), Căn cứ Chương 8, Mục I.2.

+ Gãy xương đốt gần ngón 4 tay trái: 02% (hai phần trăm), Căn cứ Chương 7, Mục VI 7.2.

+ Gãy xương bàn ngón 1 tay phải: 06% (sáu phần trăm), Căn cứ Chương 7, Mục V 4.1.

- Nếu thương tích của bị hại bà T không được cấp cứu kịp thời thì có thể dẫn đến tử vong.

Quá trình điều tra, bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo M đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại bà T với số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 62/CT-VKSGT ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo M về "Tội cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo M phạm tội "Cố ý gây thương tích".

- Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo M mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị ghi nhận bị cáo M đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại bà T với số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao cán bằng gỗ hình trụ tròn, dao có chiều dài 43cm, trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, do đây là hung khí bị cáo M sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bị hại bà T không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) đôi dép nhựa màu đen; 01 (một) cái áo sơ mi nam bằng vải, tay ngắn, màu trắng và 01 (một) quần kaki nam, loại quần dài, màu xám, nhãn hiệu Design, do bị cáo M không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại bà T với số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà T khai sự việc như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bà đồng ý với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Về trách nhiệm hình sự: bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo M. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo M đã bồi thường thiệt hại xong cho bà với số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bà không yêu cầu bồi thường gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn M và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Bị cáo M có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh và các tài liệu, chứng

cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 01/6/2024, tại ấp B, xã N, huyện G, tỉnh Bến Tre, chỉ vì nguyên cớ nhỏ nhặt, bị cáo M đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém nhiều nhát trúng vào vùng cổ và tay gây thương tích cho bị hại bà T với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 24%. Khi thực hiện hành vi trên, bị cáo M có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành "Tội cố ý gây thương tích" với tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm" và "có tính chất côn đồ" theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với bị cáo M là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Quyền được an toàn về sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Người nào xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất. Hành vi của bị cáo M đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, không những gây nguy hiểm cho xã hội, hoang mang trong nhân dân, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo M gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo M chưa có tiền án, tiền sự nên được xác định là có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo M thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo tự thú; bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo M được hưởng.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo M không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo M gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo M.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo M đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại bà T với số tiền 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) con dao cán bằng gỗ hình trụ tròn, dao có chiều dài 43cm, trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm, đây là hung khí bị cáo M sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, bị hại bà T không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đôi dép nhựa màu đen; 01 (một) cái áo sơ mi nam bằng vải, tay ngắn, màu trắng và 01 (một) quần kaki nam, loại quần dài, màu xám, nhãn hiệu Design, bị cáo M không có yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, bị cáo M phải nộp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo M về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội "Cố ý gây thương tích" .

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao cán bằng gỗ hình trụ tròn, dao có chiều dài 43cm, trong đó lưỡi dao bằng kim loại dài 27cm; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen; 01 (một) cái áo sơ mi nam bằng vải, tay ngắn, màu trắng và 01 (một) quần kaki nam, loại quần dài, màu xám, nhãn hiệu Design.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/01/2025, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lê Văn M nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã N, huyện G;
- Bị cáo; bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến